

Bản án số: 290/2021/HC-PT

Ngày: 22/12/2021

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản  
lý đất đai”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Trương Công Thi

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
**Ông Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 166/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 624/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

\* ***Người khởi kiện:*** Ông Lê Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: số 160 đường N, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn H:*** Luật sư Trần Văn X - Văn phòng luật sư số 06, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

\* ***Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; ông Cao Đình H – có đơn xét xử vắng mặt (theo Văn bản số 4274/UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T).

2. Ủy ban nhân dân thành phố T; đại diện theo pháp luật ông Cao Đình H - Chủ tịch có đơn xét xử vắng mặt (theo Văn bản số 4274/UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T).

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố T có bà Đặng Huỳnh Minh N – Trưởng phòng tư pháp thành phố T (Văn bản số 5584/UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T); có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị Hồng L - sinh năm 1975; Địa chỉ: số 160 đường N, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà Đỗ Thị Hồng L ủy quyền cho ông Lê Văn H theo Giấy ủy quyền ngày 14/5/2021; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Phương T – Chủ tịch UBND xã, có đơn xét xử vắng mặt (Văn bản số 433/UBND ngày 22/12/2021 của Chủ tịch UBND xã Bình Kiến).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; đại diện theo ủy quyền có bà Hồ Thị Nguyên T – Phó chủ tịch UBND tỉnh có đơn xét xử vắng mặt (Văn bản số 4953/UBND-NC ngày 20/10/2021 của Phó chủ tịch bà Hồ Thị Nguyên T).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Phú Yên, ông Mai Kim L – Phó giám đốc sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên; vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên, có đơn xét xử vắng mặt (Văn bản số 4311/STNMT-Ttra ngày 16/12/2021 của Phó giám đốc sở ký thay giám đốc ông Mai Kim L);

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Yên; đại diện theo pháp luật ông Nguyễn H Hùng – giám đốc ủy quyền cho ông Huỳnh Phúc T – Trưởng phòng nuôi trồng thủy sản (Giấy ủy quyền số 09/UQ-SNN ngày 21/10/2021 của giám đốc Sở NN và PTNN tỉnh Phú Yên); có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất nội dung như sau:**

Ngày 21/01/2000 ông Lê Văn H có đơn xin thuê đất và ký hợp đồng với Ban Quản lý dự án khu sản xuất giống thủy sản (Thuộc Sở thủy sản Phú Yên) thuê lô đất số 8, diện tích 750m<sup>2</sup>, tại khu sản xuất giống thủy sản xã B, thành phố T, thời hạn thuê 05 năm, kể từ ngày 20/8/1999 đến ngày 20/8/2004, tiền thuê đất 750m<sup>2</sup> x 2000đ/m<sup>2</sup> = 1.500.000đ/năm.

Ngày 27/10/2004 ông H có đơn xin gia hạn hợp đồng thuê đất, thời hạn 05 năm để tiếp tục nuôi trồng thủy sản. Ngày 27/12/2004 được Ban quản lý dự án khu sản xuất giống thủy sản cho gia hạn hợp đồng đến ngày 20/8/2008. Ông H xây dựng các công trình trên đất để phục vụ nuôi trồng thủy sản theo chủ trương của tỉnh Phú Yên và sử dụng liên tục từ năm 2000 cho đến 2019. Nay Ủy ban nhân dân (UBND) xã B lập biên bản vi phạm hành chính, cho rằng ông chiếm đất Nhà nước quản lý là không đúng, vì đất ông thuê có hợp đồng.

Vợ chồng ông H đã bỏ ra số tiền 02 tỷ đồng để xây dựng các tài sản trên đất thuê, nhưng UBND thành phố T cho rằng ông chiếm đất, đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất mà không hỗ trợ bồi thường là gây thiệt hại tài sản của vợ chồng ông.

Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 ông H yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 04/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T, biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 03/BB- VPHC ngày 05/5/2018 của UBND xã B và biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 26/BB-XM ngày 18/5/2018 và số 05/BB-XM ngày 01/4/2019 của UBND xã B.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/9/2019 ông H trình bày thống nhất giải tỏa mặt bằng theo chủ trương của Nhà nước, nhưng yêu cầu bồi thường tài sản trên đất, giải quyết an sinh xã hội và cấp đất mới để tái sản xuất.

Tại phiên đối thoại và tại phiên tòa ông H tự nguyện rút yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh. Nay chỉ khởi kiện yêu cầu UBND thành phố T bồi thường hỗ trợ thiệt hại tài sản trên đất là 1,2 tỷ đồng và cấp đất tại vị trí khác để nuôi trồng thủy sản.

*Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố T trình bày:*

Năm 1999-2000 UBND tỉnh Phú Yên ban hành các quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích và cho thuê đất thực hiện dự án sản xuất giống thủy sản tại xã B, thành phố T. Tổng diện tích đất là 30.000m<sup>2</sup>, giao cho Sở Thủy sản Phú Yên, sau đó bàn giao cho Ban quản lý dự án khu sản xuất giống thủy sản trực tiếp Ký 7 hợp đồng cho thuê đất.

Trong đó, ông Lê Văn H có đơn xin thuê đất, ký hợp đồng thuê đất thời hạn 05 năm, sau đó được gia hạn đến ngày 20/8/2008 là hết thời hạn thuê đất.

Hợp đồng thuê đất được ký kết có thỏa thuận: Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất. Hợp đồng thuê đất sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp hết thời hạn thuê đất theo đúng Quy định tại Điều 4 của hợp đồng. Hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản đầu tư trên đất khi kết thúc hợp đồng này bằng cách “*Tháo dỡ toàn bộ tài sản trả lại mặt bằng đất cho Nhà nước, chuyển nhượng cho bên thuê đất mới theo thỏa thuận và được cơ quan quản lý đất đồng ý*”.

Tuy nhiên, khi hết thời hạn thuê đất, ông Lê Văn H không thực hiện theo hợp đồng, không tháo dỡ tài sản trên đất trả lại mặt bằng cho Nhà nước.

Năm 2012 UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định thu hồi 30.000m<sup>2</sup> đất khu sản xuất giống thủy sản tại xã B giao cho UBND thành phố T quản lý (trong đó có diện tích đất ông H thuê). Năm 2014, UBND thành phố T xin chủ trương tiếp tục cho thuê đất khu sản xuất giống thủy sản. Năm 2015 UBND tỉnh Phú Yên có văn

bản không chấp nhận chủ trương tiếp tục cho thuê đất nuôi trồng thủy sản vì không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, người sử dụng đất phải tự tháo dỡ trả lại mặt bằng cho Nhà nước, nếu không chấp hành thì tổ chức cưỡng chế theo quy định pháp luật.

Qua nhiều lần thông báo, vận động, yêu cầu ông Lê Văn H tháo dỡ tài sản trên đất trả lại mặt bằng cho Nhà nước quản lý nhưng ông H không chấp hành.

Đối chiếu khoản 2 Điều 3 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (*gọi tắt là Nghị định số 102*) thì trường hợp ông H là chiếm đất.

Ngày 05/5/2018 UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính, ngày 18/5/2018 và ngày 01/4/2019 UBND xã B lập biên bản xác minh vụ việc vi phạm hành chính của ông H. Ngày 12/6/2019 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/8/2019 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP quy định người vi phạm phải trả lại đất đã chiếm, nên không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường. Mặt khác, trên địa bàn thành phố T không có quy hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản, nên yêu cầu cấp đất vị trí khác để nuôi trồng thủy sản là không có cơ sở; Do đó, UBND thành phố T không chấp nhận các yêu cầu của ông H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đỗ Thị Hồng L trình bày thống nhất như yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày: Theo hợp đồng thuê đất được Ban quản lý dự án cho gia hạn đến 20/08/2008, hết thời hạn thuê đất ông Lê Văn H không tháo dỡ tài sản trên đất trả lại mặt bằng cho Nhà nước mà tiếp tục nuôi trồng thủy sản là hành vi chiếm đất theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 102, vi phạm khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102. Hành vi chiếm đất của ông H thuộc trường hợp phải thu hồi và không được bồi thường tài sản gắn liền với đất theo điểm d khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, từ khi hết thời hạn thuê đất (20/8/2008) đến năm 2012 UBND tỉnh thu hồi đất giao cho UBND thành phố T quản lý, nhưng đến cuối năm 2019 mới cưỡng chế thu hồi đất thì ông H vẫn sử dụng đất, không phải nộp tiền thuê đất là đã tạo điều kiện cho ông H sản xuất thu hồi vốn đầu tư.

- Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T vắng mặt, không có lời trình bày.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Yên trình bày: Ngày 13/6/2005 Ban quản lý dự án khu sản xuất giống thủy sản có báo cáo tình hình thực

hiện dự án, đồng thời đề nghị UBND thành phố T tiếp nhận khu sản xuất giống thủy sản để quản lý, cho thuê đất, căn cứ Luật Đất đai năm 2003 thì Ban quản lý dự án và Sở Thủy sản không có thẩm quyền cho thuê đất.

Ngày 21/02/2008 UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định giải thể Ban quản lý dự án khu sản xuất giống thủy sản thuộc Sở Thủy sản. Năm 2012 UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định thu hồi đất, giao cho UBND thành phố T quản lý nên Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã bàn giao hồ sơ và đất cho UBND thành phố T.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên vắng mặt, không có lời trình bày.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2021/HC-ST ngày 14 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:**

Áp dụng Khoản 2 Điều 173, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 345 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 52, Điểm d khoản 1 Điều 65, Điều 92 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H;

Về yêu cầu: Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ, bồi thường thiệt hại tài sản trên đất số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và yêu cầu bố trí quỹ đất mới tại vị trí khác để tái sản xuất nuôi trồng thủy sản.

Đình chỉ xét xử yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 04/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hoa, biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 03/BB-YPHC ngày 05/5/2018 của ủy ban nhân dân xã B, biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 26/BB-XM ngày 18/5/2018 và số 05/BB-XM ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22/1/2021, ông Nguyễn Thanh Tùng- người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn H và người khởi kiện ông Lê Văn H trình bày: Người khởi kiện rút một phần yêu cầu kháng cáo có nội dung: Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên bố trí quỹ đất mới tại vị trí khác cho ông Lê Văn H để tái sản xuất nuôi trồng thủy sản. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo có nội dung: Yêu cầu UBND thành phố T phải bồi thường toàn bộ vật kiến trúc và tài sản trên đất mà ông Lê Văn H đã bỏ tiền, công sức xây dựng; và yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm do Tòa án sơ thẩm khi giải quyết vụ án có

nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H là có căn cứ và đúng pháp luật; ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới khác; do đó đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của ông H giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa người khởi kiện ông Lê Văn H rút một phần kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên bố trí quỹ đất mới tại vị trí khác cho ông Lê Văn H để tái sản xuất nuôi trồng thủy sản; căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 218 Luật tố tụng hành chính Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu kháng cáo trên của ông H.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H có nội dung: Yêu cầu UBND thành phố T bồi thường toàn bộ tài sản mà ông H đã bỏ ra xây dựng sản xuất nuôi tôm mà UBND thành phố T đã cưỡng chế phá dỡ, thấy:

[2.1] Ngày 21/1/2000 Ban Quản lý(thuộc Sở Thủy sản) ký hợp đồng số 17/HĐ-KT cho ông Lê Văn H thuê đất tại lô số 8 diện tích 750 m<sup>2</sup> thời hạn 5 năm để nuôi giống thủy sản tôm, ngày 27/10/2004 ông H xin gia hạn được Ban quản lý chấp nhận đến ngày 20/8/2008 là hết thời hạn thuê đất. Hợp đồng thuê đất được ký kết có thỏa thuận: Hợp đồng thuê đất sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp hết thời hạn thuê đất theo đúng Quy định tại Điều 4 của hợp đồng; hai bên thỏa thuận giải quyết tài sản đầu tư trên đất khi kết thúc hợp đồng này bằng cách “*Tháo dỡ toàn bộ tài sản trả lại mặt bằng đất cho Nhà nước, chuyển nhượng cho bên thuê đất mới theo thỏa thuận và được cơ quan quản lý đất đồng ý*”. Tuy nhiên, khi hết thời hạn thuê đất, ông Lê Văn H không thực hiện theo hợp đồng, không tháo dỡ tài sản trên đất trả lại mặt bằng cho Nhà nước. Năm 2012 UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định thu hồi 30.000m<sup>2</sup> đất khu sản xuất giống thủy sản tại xã B giao cho UBND thành phố T quản lý (trong đó có diện tích đất ông H thuê). Năm 2014 UBND thành phố T xin chủ trương tiếp tục cho thuê đất khu sản xuất giống thủy sản; năm 2015 UBND tỉnh Phú Yên có văn bản không chấp nhận chủ trương tiếp tục cho thuê đất nuôi trồng thủy sản vì không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, người sử dụng đất phải tự tháo dỡ trả lại mặt bằng cho Nhà nước, nếu không chấp hành thì tổ chức cưỡng chế theo quy định pháp luật.

[2.2] Qua nhiều lần thông báo, vận động, yêu cầu ông Lê Văn H tháo dỡ tài sản trên đất trả lại mặt bằng cho Nhà nước quản lý theo quy định của Hợp đồng mà

hai bên đã ký kết nhưng ông H không chấp hành là vi phạm quy định khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hành vi chiếm đất của ông H thuộc trường hợp phải thu hồi và không được bồi thường tài sản gắn liền với đất theo điểm d khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP quy định người vi phạm phải trả lại đất đã chiếm, nên không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường.

[2.3] Ngày 05/5/2018 UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính, ngày 18/5/2018 và ngày 01/4/2019 UBND xã B lập biên bản xác minh vụ việc vi phạm hành chính của ông H. Ngày 12/6/2019 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 04/QĐ-KPHQ nhưng ông H không chấp hành. Ngày 23/8/2019 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 46/QĐ-CCXP là đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông H và người đại diện theo ủy quyền của Ông chỉ yêu cầu UBND TP T bồi thường tài sản trên đất là 1,2 tỷ và giao đất tại vị trí khác để nuôi trồng thủy sản; đối với các yêu cầu khác đã rút yêu cầu khởi kiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và đình chỉ các yêu cầu khác do ông H đã rút yêu cầu khởi kiện là đúng pháp luật. Ông Lê Văn H kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm Ông không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm ông H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, khoản 3 Điều 218 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 173, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 345, Điều 348 và Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 52, Điểm d khoản 1 Điều 65, Điều 92 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H có nội dung: Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên bố trí quỹ đất mới tại vị trí khác cho ông Lê Văn H để tái sản xuất nuôi trồng thủy sản.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/HCST ngày 14 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên .

**Tuyên xử:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, về yêu cầu: Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ, bồi thường thiệt hại tài sản trên đất số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và yêu cầu bố trí quỹ đất mới tại vị trí khác để tái sản xuất nuôi trồng thủy sản.

Đình chỉ xét xử yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 04/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hoa, biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 03/BB-YPHC ngày 05/5/2018 của ủy ban nhân dân xã B, biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 26/BB-XM ngày 18/5/2018 và số 05/BB-XM ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã B.

3. Án phí hành chính sơ thẩm ông Lê Văn H phải chịu: 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 13132 ngày 22/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Án phí hành chính phúc thẩm: 300.000, đồng ( Ba trăm ngàn đồng) ông Lê Văn H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006631 ngày 29/1/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Ông Lê Văn H đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Tuấn**